**PHỤ LỤC 1**

**NỘI DUNG PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO**

**(***Kèm theo Thông báo số: 674 /TB-ĐHLN-KHCN ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng***)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt**  | **Nội dung báo cáo** | **Bảng thống kê có liên quan***(Nội dung chi tiết tại Phụ lục 3)* | **Đơn vị thực hiện** | **Ghi chú** |
| **I** | **TÌNH HÌNH CHUNG** |  | **Phòng KH&CN** |  |
| **II** | **ĐÁNH GIÁ VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ** |  |  |  |
| **2.1** | **Phát triển nguồn nhân lực** |  |  |  |
| **-** | Liệt kê tổng số cán bộ, số lượng cán bộ nghiên cứu chia theo chức năng và trình độ; trong đó cụ thể số lượng Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ/Tổng số nhân lực nghiên cứu của đơn vị | Biểu TK1 | Phòng TCCB |  |
| - |  Số lượng các đơn vị trực thuộc (viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm, trại thực nghiệm,… |  | Phòng TCCB |  |
| - | Số lượng các tổ chức trung gian hỗ trợ về sử hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, chuyên giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thông tin KH&CN,… |  | Phòng KH&CN |  |
| - | Các chương trình, cơ chế liên kết, hợp tác giữa nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao tri thức ứng dụng thực tiễn của cơ quan, đơn vị |  | Phòng KH&CN |  |
| - | Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và nhân viên kỹ thuật trong từng lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị trong giai đoạn 2011-2020 (xây dựng kế hoạch, số lượng đào tạo, chất lượng đội ngũ cán bộ, những khó khăn vướng mắc về nguồn nhân lực…) |  | Phòng TCCB |  |
| **-** | Tổng kinh phí nhà nước đầu tư cho xây dựng tiềm lực KH&CN theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020. |  | Phòng TCKT |  |
| - | Đánh giá chung về phát triển nguồn nhân lực lực đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài của đơn vị, của ngành. |  | Phòng TCCB |  |
| **2.2** | **Phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ** |  |  |  |
| **-** | Liệt kê chi phí đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KH&CN, dự án tăng cường trang thiết bị nghiên cứu theo các giai đoạn 5 năm 2011-2015 và 2016-2020 từ các nguồn vốn (NSSN, QDA, HTQT, viện trợ không hoàn lại, nguồn xã hội hóa,…). | Biểu TK2 | Phòng QLĐT |  |
| **-** | Đánh giá hệ thống mạng lưới dịch vụ thông tin KH&CN (hệ thống lưu trữ, cập nhật, tổng hợp phân tích thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN, …) |  | Thư Viện |  |
| - | Đánh giá thực trạng đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật của cơ quan, đơn vị cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyên giao KH&CN phục vụ ngành, lĩnh vực |  | Phòng KH&CN |  |
| **2.3** | **Thực trạng triển khai các nhiệm vụ KH&CN** | Biểu TK3 | Phòng KH&CN |  |
| **2.4** | **Hợp tác quốc tế trong KHCN** | Biểu TK4 | Phòng HTQT |  |
| **III** | **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO KHCN NGÀNH, LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | Biểu TK5 và Biểu TK6 | Phòng KH&CN |  |
| **IV** | **ĐÁNH GIÁ CHUNG** |  |  |  |
| **4.1** | **Ưu điểm, kết quả đạt được** |  | Phòng KH&CN |  |
| **4.2** | **Tổng hợp các hạn chế chủ yếu** |  |  |  |
| **-** | Phát triển tiềm lực KHCN |  | Phòng TCCB |  |
|  | Đóng góp của KHCN; Thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và hoạt động ĐMST; Đổi mới cơ chế quản lý KHCN. |  | Phòng TCCB |  |
| **-** | Hội nhập quốc tế về KHCN |  | Phòng HTQT |  |
| **4.3** | **Nguyên nhân của các hạn chế** |  | Phòng KH&CN; Phòng TCCB; Phòng HTQT (trình bày nguyên nhân của các hạn chế ở mục 4.2) |  |
| **V** | **ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHCN VÀ ĐMST CỦA LĨNH VỰC, NGÀNH GIAI ĐOẠN 2021-2030** |  |  |  |
| a) | Định hướng phát triển các lĩnh vực khoa học |  |  |  |
| b) | Định hướng phát triển công nghệ ưu tiên |  |  |  |
| c) | Định hướng phát triển ĐMST |  | Phòng KH&CN |  |
| d) | Định hướng phát triển tiềm lực KH, CN và ĐMST lĩnh vực, ngành |  |  |  |
| - | Đề xuất các định hướng phát triển tiềm lực KH,CN và ĐMST về: |  |  |  |
| + | Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trường đại học, các trung tâm ĐMST, các phòng thí nghiệm, các khu công nghệ cao và Nhân lực KH&CN |  | Phòng TCCB |  |
| + | Thông tin KH&CN |  | Thư viện |  |
| **+** | Thịtrường KH&CN; Hệ thống ĐMST; Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST; Đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho KH,CN và ĐMST |  | Phòng KH&CN |  |
| đ) | Định hướng phát triển lĩnh vực dịch vụ KH&CN |  | Phòng KH&CN |  |
| **VI** | **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ** |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Chi tiết hướng dẫn tại Văn bản số 2094/BNN-KHCN ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Xây dựng báo cáo kết quả KHCN của đơn vị phục vụ Hội thảo Chiến lược phát triển KH&CN ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2013-2020.*

**PHỤ LỤC 2**

**MẪU VIẾT BÀI GIỚI THIỆU KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

*(Kèm theo Thông báo số 674 /TB-ĐHLN-KHCN ngày 23 tháng 4 Năm 2021 của Hiệu trưởng)*

**Các bài tham luận bài tham luận giới thiệu về các công trình nghiên cứu nổi bật, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn**

**YÊU CẦU CỦA BÀI VIẾT:**

- Cấu trúc của bài viết gồm: Tên bài viết (bằng tiếng Việt và tiếng Anh); tên tác giả (ghi rõ học hàm, học vị, đơn vị công tác); tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh); nội dung chính của bài viết gồm: đặt vấn đề, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận, kết luận kiến nghị và tài liệu tham khảo.

- Bài viết được soạn thảo bằng Microsoft Words, dài 6-8 trang A4, cỡ chứ 13pt, phông chữ Times New Roman, lề trái 3,0 cm, lề phải 2,0cm, lề trên 2,0 cm, lề dưới 2,0cm.

**PHỤ LỤC 3**

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

*(Kèm theo Thông báo số 674 /TB-ĐHLN-KHCN ngày 23 tháng 4 Năm 2021 của Hiệu trưởng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK1* |

**NHÂN LỰC CỦA TỔ CHỨC KH&CN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển** | **Tổng số** | **Nhân lực nghiên cứu** |  |
| **Tổng số** | **GS** | **PGS** | **TS** | **ThS** | **ĐH, cử nhân** | **Khác** |
| *(1)* | (2) | *(3)* | *(4) =(5÷9)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* |
|  | Cơ quan, đơn vị |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Các đơn vị trực thuộc |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Trung tâm trực thuộc đơn vị |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK2* |

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA TỔ CHỨC KH&CN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dự án, nhiệm vụ** | **Nội dung đầu tư** | **Kinh phí (Tr. đồng)** | **Thời gian thực hiện** | **Nguồn vốn** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK3* |

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA TỔ CHỨC KH&CN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số lượng các nhiệm vụ** | **Số lượng** | **Kinh phí (Tr. đồng)** |
| **I** | **Giai đoạn 2011-2015** |  |  |
|  | Cấp quốc gia |  |  |
|  | Cấp Bộ |  |  |
|  | Cấp tỉnh, các bộ ngành khác |  |  |
|  | Khác |  |  |
| **II** | **Giai đoạn 2015-2020** |  |  |
|  | Cấp quốc gia |  |  |
|  | Cấp Bộ |  |  |
|  | Cấp tỉnh, các bộ ngành khác |  |  |
|  | Khác |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK4* |

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên dự án, nhiệm vụ** | **Nội dung đầu tư** | **Kinh phí (Tr. đồng)** | **Thời gian thực hiện** | **Tổ chức Hợp tác, hỗ trợ** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng (Tr. đồng)** |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK5* |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CÁC GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2011-2015 VÀ 2016-2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Đơn vị chủ trì,** **Tác giả** | **Tóm tắt nội dung** | **Ghi chú** |
| **A** | **Giai đoạn 2011-2015** |  |  |  |
| I | Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học |  |  | *Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| II | Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Tiến bộ kỹ thuật; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới |  |  | *Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)*  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| III | Kết quả khác |  |  | *Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| **B** | **Giai đoạn 2015-2020** |  |  |  |
| I | Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học |  |  | *Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| II | Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Tiến bộ kỹ thuật; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới |  |  | *Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)*  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| III | Kết quả khác |  |  | *Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả* |
| 1 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan, đơn vị.....** | *Biểu TK6* |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT**

**05 NĂM 2016-2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm/****công trình/công nghệ** | **Xuất xứ**(Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ …) | **Hiệu quả kinh tế-xã hội**(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường…) | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |